

Bản án số: 34 /2018/HNGĐ- ST
Ngày: 28 /6/2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Hữu Quý**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Ông **Phạm Tiến Lợi**

- Thư ký phiên toà: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Mai** - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2018/TLST- HNGĐ ngày 28/3/2018 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX-ST ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị N**, sinh năm 1983; HKTT và nơi cư trú: Xóm Đ, xã TĐ, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

Bị đơn: Anh **Vũ Viết T**, sinh năm 1978; HKTT: Thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội; Hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Hà Thị N trình bày: Chị Hà Thị N và anh Vũ Viết T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ ngày 08/5/2001. Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống được một năm thì chị N phát hiện anh T nghiện ma túy và có hành vi mua bán ma túy. Năm 2002 anh T bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị xử phạt 09 năm tù. Sau khi anh T bị bắt chị N đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã TĐ để sinh sống từ đó đến nay. Đến năm 2012 anh T lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, về tội

Tàng trữ trái phép chất ma túy, án phạt 87 tháng. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Vũ Viết T.

Về con chung: Giữa chị N và anh T không có con chung. Chị N có một con riêng là cháu Hà Bùi Tuấn A, sinh ngày 02/10/2005, đây là con riêng của chị N, không phải con chung của chị N và anh T.

Về tài sản chung và công nợ, công sức:chị Nkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Vũ Viết T trình bày: Anh Vũ Viết T và chị Hà Thị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ ngày 08/5/2001. Sau khi kết hôn, anh T và chị N chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Năm 2002 anh T phạm tội về ma túy. Đến năm 2012, anh T lại bị kết án về tội Mua bán ma túy. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Quá trình anh T đi chấp hành án, chị N đã ngoại tình và có một con riêng nhưng anh T vẫn tha thứ cho chị N. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn đề nghị hai vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Giữa anh T và chị N không có con chung. Chị N có một con riêng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị N- nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn anh Tuấn; Con chung, tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147,điểm b khoản2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị Nđược ly hôn anh Tuấn. Con chung, tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Hà Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Vũ Viết T. Hiện anh Vũ Viết T đăng ký HKTT tại Thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý

giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T có ý kiến đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án đến khi anh T chấp hành án xong, do anh đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, còn khoảng tám tháng thì chấp hành án xong. Xét thấy, lý do anh T xin tạm đình chỉ giải quyết vụ án không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 1 điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của anh T.

Bị đơn – anh Vũ Viết T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt do đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Viết T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị N và anh Vũ Viết T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ ngày 08/5/2001 là hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo chị N nguyên nhân mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy, từ năm 2002 anh T đã bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, sau khi chấp hành án xong. Đến năm 2012 anh T lại tiếp tục phạm tội và hiện nay anh T đang chấp hành án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Anh T trình bày anh và chị N không có mâu thuẫn gì, nhưng anh T cũng xác nhận anh bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và chấp hành án từ năm 2012, hiện nay anh T đang chấp hành án tại Trại giam số 6, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Xét thấy, chị N và anh T đã ly thân từ năm 2002 đến nay là 16 năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân : Chị **Hà Thị N** được ly hôn anh **Vũ Viết T**

2. Về con chung: không có

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003290 ngày 21/3/2018.

Chị Hà Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, anh Vũ Viết T có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

TAND thành phố Hà Nội;

VKSND huyện (02 bản);

Các đương sự;

Lưu HS, VP

Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Hữu Quý